

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-03-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Hoàng Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp X, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Anh T1, sinh năm 1974 - Địa chỉ: Ấp X, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022 và các văn bản trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày: Bà và ông Trần Anh T1 tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000. Ông bà có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện TT, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 257, quyển số 01 ngày 25/12/2002. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông T1 không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Bà với ông T1 không còn sống chung. Bà đã về mẹ ruột sinh sống. Tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông T1.

Về nuôi con chung: Ông bà có hai con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 22/11/2000 và Trần Minh Đ sinh ngày 29/3/2009 đang sống chung với bà.

Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung tên Đặng, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên N đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Anh T1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của ông Trần Anh T1, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do các đương sự vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Hồ Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trần Anh T1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Hồ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Anh T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T1 vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T với ông Trần Anh T1 tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000. Ông T1, bà T có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 257, quyển số 01 ngày 25/12/2002. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông T1 không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Bà T đã về mẹ ruột sinh sống nên không còn sống chung với ông T1. Khi bà T bỏ đi, ông T1 cũng không tìm kiếm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T1 không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của cả hai không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con chung: Ông Trần Anh T1 với bà Hồ Thị T có hai con chung tên Trần Thị Kim N sinh ngày 22/11/2000 và Trần Minh Đ sinh ngày 29/3/2009 đang sống chung với bà T. Tại bản tự khai ghi ngày 03/11/2022 của

cháu Đ có nguyện vọng ở với mẹ. Ông T1 không đến tòa án nên không thể giao con cho ông T1 nuôi dưỡng. Do vậy Hội đồng xét xử giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Đối với con chung tên N đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T1 không có ý kiến phản hồi về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T1 không có ý kiến phản hồi về nợ chung và cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà T và bà Diệp, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Trần Anh T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Trần Anh T1.

2. Về nuôi con chung: Bà Hồ Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Minh Đ sinh ngày 29/3/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Đối với con chung tên N đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T1 không có ý kiến phản hồi về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T1 không có ý kiến phản hồi về nợ chung và cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà T và bà Diệp, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

5. Về án phí: Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T nộp theo biên thu lai số 0002676, ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà T đã nộp đủ. Ông Trần Anh T1 không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã NT;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ